

Số: 497/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM	
Số: 242	ĐẾN
Ngày: 01/04/2021	ĐỀ NGHỊ
Chuyên: CT.HTQT	
Lưu hồ sơ số:	

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HÀ NỘI	
Số: 17	ĐẾN
Ngày: 21.3.2021	ĐỀ NGHỊ
Chuyên: TACS	
Lưu hồ sơ số:	

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật.

Trần Ngọc Thuận

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

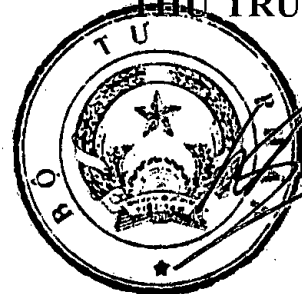
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- P.TTg Thường trực CP Trương Hòa Bình (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; DNNN ở Trung ương (để thực hiện);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Cục CNTT (để thực hiện và đưa tin lên Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, VDCXDPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Chí Hiếu

BỘ TƯ PHÁP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP
ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 497/QĐ-BTP ngày 29/3/2021
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

Sau gần 10 năm thi hành, Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng góp phần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác pháp chế; củng cố, kiện toàn các tổ chức pháp chế; tăng cường năng lực đội ngũ người làm công tác pháp chế, tạo cơ chế quản lý thống nhất về công tác pháp chế từ Trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, một số quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thi hành đã bộc lộ những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế cần được khắc phục. Để tiếp tục phát huy hơn nữa những kết quả đạt được, kịp thời khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác này cần tiến hành tổng kết toàn diện việc thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP thời gian qua.

Thực hiện Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Chương trình hành động của ngành Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 (ban hành kèm theo Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 19/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Bộ Tư pháp xây dựng Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP với các nội dung cơ bản sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện tình hình triển khai, kết quả đạt được và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

- Nhận diện rõ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2011/NĐ-CP cũng như giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác pháp chế trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết cần thực hiện một cách nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm từ Trung ương đến địa phương, các doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm đúng mục đích và tiến độ đề ra.

- Nội dung tổng kết phải bám sát các quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; phản ánh đúng tình hình thực tế và những yêu cầu đặt ra trong quá trình thực hiện.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi tổng kết

- Phạm vi tổng kết: Thực hiện tổng kết, đánh giá toàn diện công tác triển khai và tổ chức thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP trên phạm vi toàn quốc.

- Thời gian tổng kết: **Từ ngày 25/8/2011** (thời điểm Nghị định số 55/2011/NĐ-CP có hiệu lực) **đến ngày 01/4/2021**.

2. Nội dung tổng kết: Được thực hiện theo mẫu Đề cương báo cáo kèm theo Kế hoạch này.

3. Hình thức tổng kết

- Tổng hợp các báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, gửi về Bộ Tư pháp (Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật) **trước ngày 22/4/2021**.

- Bộ Tư pháp (Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật) chủ trì xây dựng Báo cáo tổng kết trên cơ sở Báo cáo tổng kết của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước, hoàn thành **trước ngày 10/5/2021**.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp nhà nước

- Tùy tình hình thực tiễn của bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp để tổ chức Hội nghị tổng kết theo hình thức phù hợp; xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP gửi Bộ Tư pháp;

- Xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP;

- Lựa chọn, giới thiệu, đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng đối với 01 tập thể hoặc 01 cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP. Tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ khen thưởng thực hiện theo **Hướng dẫn về khen thưởng** ban hành kèm theo Kế hoạch này. Đề nghị xét khen thưởng gửi về Bộ Tư pháp (Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật) **trước ngày 22 tháng 4 năm 2021.**

2. Bộ Tư pháp

2.1. Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan thuộc Bộ triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ; tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức tổng kết thi hành Nghị định; kịp thời báo cáo về các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu tổ chức Hội nghị tổng kết (có Kế hoạch riêng);

- Xây dựng Báo cáo tổng kết báo cáo Chính phủ.

- Đánh giá thành tích của các tập thể, cá nhân; phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong quá trình thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng theo thẩm quyền.

2.2. Vụ Thi đua - Khen thưởng

Chủ trì, phối hợp với Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan chuẩn bị các thủ tục đề nghị, xét khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

2.3. Cục Kế hoạch - Tài chính

Bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động đã đề ra trong Kế hoạch này theo quy định của pháp luật.

2.4. Yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ có liên quan xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP của Chính phủ, gửi Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ trước ngày **trước ngày 22 tháng 4 năm 2021.**

IV. KINH PHÍ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước và dự toán trong kinh phí hoạt động của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và các nguồn tài trợ khác (nếu có)./.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 497/BTP-VĐCXDPL ngày 29/3/2021 của Bộ Tư pháp)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát tình hình chung và những đặc điểm nổi bật của Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp nhà nước tác động đến công tác pháp chế.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2011/NĐ-CP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Xây dựng và ban hành văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện (số, tên văn bản).
- Tình hình xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện hằng năm.
- Tình hình tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (số lượng cuộc tổ chức; biên soạn tài liệu, truyền thông về Nghị định thông qua các tin, bài, chương trình truyền thanh, truyền hình...).

2. Quản lý nhà nước đối với công tác pháp chế

- Tình hình quản lý nhà nước về công tác pháp chế: công tác kiểm tra; công tác hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ ...
- Đánh giá sự phối hợp của các cơ quan có liên quan trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế .

3. Kết quả đạt được

3.1. Về tổ chức và đội ngũ người làm công tác pháp chế

- **Tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:** đề nghị báo cáo về tổ chức và người làm công tác pháp chế tại Vụ/Cục Pháp chế của Bộ, cơ quan ngang Bộ và các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (có phụ lục kèm theo - phụ lục 1 và phụ lục 2).

Riêng hệ thống pháp chế trong lực lượng quân đội và công an nhân dân: đề nghị cung cấp số liệu về đội ngũ cán bộ pháp chế tại: Vụ/Cục Pháp chế trực thuộc Bộ và tại các Tổng cục, Cục và tương đương trực thuộc Bộ, các đơn vị trực thuộc. Ngoài ra, đối với lực lượng công an nhân dân: đề nghị báo cáo thêm về đội ngũ cán bộ pháp chế tại Công an cấp tỉnh.

- **Tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh:** đề nghị báo cáo về số liệu, đánh giá về tình hình tổ chức và người làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP) và các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 9, các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh (*có phụ lục kèm theo – phụ lục 3- 4 - 5 - 6 - 7*).

- **Tại các doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương:** đề nghị báo cáo về tổ chức và người làm công tác pháp chế tại các Phòng/Ban pháp chế và hệ thống pháp chế ở các công ty thành viên (*có phụ lục kèm theo - phụ lục 8*).

3.2. Về hoạt động của các tổ chức pháp chế

3.2.1. Tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP trên các mặt công tác:

- Công tác xây dựng pháp luật;
- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật;
- Công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ;
- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật và xử lý vi phạm hành chính;
- Công tác bồi thường nhà nước;
- Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;
- Công tác tham mưu các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng;
- Công tác đánh giá tác động của thủ tục hành chính;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo giao hoặc theo quy định của pháp luật ...

3.2.2. Tại các doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương

Đánh giá thực trạng và kết quả hoạt động của tổ chức pháp chế theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung

2. Tồn tại, vướng mắc

2.1. Những điểm bất cập về thể chế

- Những điểm bất cập trong các quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Những điểm bất cập trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế.

2.2. Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế

- Về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Về kiện toàn, tổ chức, bố trí, sắp xếp nhân sự.

- Về phối hợp công tác với các đơn vị liên quan.

- Những khó khăn, vướng mắc khác.

2.3. Phân tích những nguyên nhân của những điểm bất cập, của những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế

- Trong triển khai thi hành các quy định của Nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nêu rõ quy định nào chưa rõ ràng; chưa đầy đủ; khó thực hiện; không phù hợp với thực tiễn; mâu thuẫn với các văn bản QPPL khác v.v...);

- Trong cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình thực hiện công tác pháp chế.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

3.2. Nguyên nhân chủ quan

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về các quy định của Nghị định và văn bản hướng dẫn thi hành

Những quy định cần bãi bỏ; những quy định mới cần được sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình mới. Trong đó cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế (nhiệm vụ nào cần tiếp tục giao cho tổ chức pháp chế; nhiệm vụ nào không cần thiết giao cho tổ chức pháp chế; nhiệm vụ bổ sung cho tổ chức pháp chế);

- Quy định Phòng Pháp chế bắt buộc phải thành lập tại 14 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 2 Điều 9 Nghị định số

55/2011/NĐ-CP) cần đổi mới ở điểm nào: cần thành lập Phòng pháp chế độc lập hoặc bố trí cán bộ pháp chế chuyên trách ở những Sở, ngành nào; giải pháp về nhân sự đối với các Sở, ngành khác không bắt buộc phải thành lập Phòng pháp chế độc lập hoặc bố trí cán bộ chuyên trách là như thế nào?

- Các điều kiện bảo đảm: nhân lực, kinh phí (về công tác củng cố, kiện toàn tổ chức; bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ pháp chế, trình độ cán bộ; công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hoạt động pháp chế, chế độ chính sách đối với người làm công tác pháp chế)...

- Các nội dung khác.

2. Về các biện pháp triển khai thi hành Nghị định

- Các biện pháp triển khai thi hành Nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành; trách nhiệm của các cơ quan nhằm nâng cao chất lượng công tác pháp chế;

- Về cơ chế phối hợp trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế;

- Các kiến nghị khác (đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, Bộ Tư pháp) v.v...

HƯỚNG DẪN VỀ KHEN THƯỞNG

Bộ Tư pháp đề nghị các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác pháp chế để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Bằng khen. Cụ thể như sau:

I. TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Việc xét khen thưởng được căn cứ vào những quy định của Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2005/QH11, Luật số 32/2009/QH12, Luật số 39/2013/QH13), Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp; bảo đảm tính đại diện, tiêu biểu xuất sắc, cụ thể như sau:

1. Đối với tập thể

Tập thể được đề nghị khen thưởng phải là tập thể tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong công tác pháp chế, đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013. Trong đó tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trong công tác pháp chế cụ thể như sau:

1.1. Đối với tổ chức pháp chế các bộ cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP hàng năm.

- Thành lập tổ chức pháp chế độc lập; củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế theo ngành dọc ở địa phương.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ cho người làm công tác pháp chế đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

- Định kỳ hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, xây dựng báo cáo về công tác pháp chế.

1.2. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)

- Hàng năm xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP;

- Củng cố, kiện toàn và bố trí người làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn và có giải pháp nâng cao công tác này tại địa phương.

- Tham gia tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ pháp chế cho cán bộ pháp chế; kiểm tra công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và doanh nghiệp nhà nước ở địa phương

- Xây dựng Báo cáo kết quả tình hình công tác pháp chế hàng năm gửi Sở Tư pháp để đồng hợp.

1.3. Đối với doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương

- Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP tại doanh nghiệp.

- Thành lập tổ chức pháp chế độc lập và có giải pháp để củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế.

- Tham gia tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ cho người làm công tác pháp chế đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

- Định kỳ hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp xây dựng báo cáo về công tác pháp chế.

2. Đối với cá nhân

- Cá nhân được đề nghị khen thưởng phải đạt các tiêu chuẩn quy định tại Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2005/QH11, Luật số 32/2009/QH12, Luật số 39/2013/QH13), Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp, trong đó, tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác pháp chế được cụ thể như sau:

- Đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác pháp chế được giao;

- Tham gia đào tạo bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác pháp chế hàng năm;

- Có ít nhất 5 năm làm công tác pháp chế.

II. VỀ SỐ LƯỢNG ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Mỗi cơ quan lựa chọn không quá 01 tập thể hoặc 01 cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để lập hồ sơ đề nghị khen thưởng.

III. VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG

1. Căn cứ vào hướng dẫn về đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng và số lượng đề nghị khen thưởng nêu trên, các cơ quan lựa chọn tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc để hướng dẫn, hoàn thiện thủ tục, hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Bằng khen.

2. Hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bao gồm:

a) Công văn đề nghị khen thưởng (kèm theo danh sách trích ngang các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng);

b) Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của đơn vị hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý đề nghị xét khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể hoặc cá nhân được đề nghị khen thưởng theo các tiêu chuẩn hướng dẫn tại Mục 2 của Công văn này và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý (Báo cáo cần đánh giá, nêu bật những thành tích về số lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả trong việc công tác pháp chế được giao).

Các cơ quan tiên hành tổng kết, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác pháp chế, đồng thời lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc nhất để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Bằng khen./.